TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 89/2026/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 16 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – TUYÊN QUANG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 127/2026/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2026 về việc: "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Chú Dỉ T, sinh năm 1998, số căn cước công dân: 002098003081 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16/02/2024.

Địa chỉ: Thôn H, xã N, tỉnh Tuyên Quang.

- Chị Giàng Thị T1, sinh năm 2002, số căn cước công dân: 002302009930 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 15/5/2021.

Địa chỉ: Thôn H, xã N, tỉnh Tuyên Quang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Chú Dỉ T và chị Giàng Thị T1 tự nguyện thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Giao cho anh Chú Dỉ T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 (*Hai*) cháu Chú Triệu B, sinh ngày: 27/10/2017 và cháu Chú Ngọc L, sinh ngày: 08/11/2018 cho đến khi cháu B, cháu L đủ 18 tuổi. Chị Giàng Thị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T và chị T1 cùng có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Chú Dỉ T và chị Giàng Thị T1 tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Chú Dỉ T tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Chú Dỉ T và chị Giàng Thị T1 tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cho anh Chú Dỉ T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 (*Hai*) cháu Chú Triệu B, sinh ngày: 27/10/2017 và cháu Chú Ngọc L, sinh ngày: 08/11/2018 cho đến khi cháu B, cháu L đủ 18 tuổi. Chị Giàng Thị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T và chị T1 cùng có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

- Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Anh Chú Dỉ T và chị Giàng Thị T1 tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Chú Dỉ T tự nguyện chịu toàn bộ 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) anh Chú Dỉ T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001054 ngày 21/5/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang, đã thi hành xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- THA dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND Khu vực 6 – Tuyên Quang;
- UBND xã N, tỉnh Tuyên Quang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Trọng Khánh